

THÔNG BÁO BỔ SUNG KIẾN THỨC TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018

Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo kế hoạch bổ sung kiến thức cho kỳ tuyển sinh sau đại học năm 2018 như sau:

1. Các ngành tuyển sinh có yêu cầu bổ sung kiến thức và chỉ tiêu từng ngành

Stt	Ngành, chuyên ngành	Bậc đào tạo	Mã ngành, chuyên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Ngành Kinh tế học	Thạc sĩ	Mã số: 60310101	300
2	Ngành Kinh tế chính trị	Thạc sĩ	Mã số: 60310102	
3	Ngành Kinh tế quốc tế	Thạc sĩ	Mã số: 60310106	
4	Ngành Tài chính - Ngân hàng	Thạc sĩ	Mã số: 60340201	
5	Ngành Kế toán	Thạc sĩ	Mã số: 60340301	
6	Ngành Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Mã số: 60340102	
7	Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công	Thạc sĩ	Mã số: 6031010101	

2. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

Đào tạo thạc sĩ thuộc loại hình đào tạo chính quy và được thực hiện theo hình thức bán thời gian. Thời gian đào tạo hai năm.

3. Các môn thi và đối tượng học bổ sung kiến thức

3.1. Các môn thi:

<u>Ngành:</u> Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh. <u>Chuyên ngành:</u> Kinh tế và Quản lý công. - Môn cơ bản: Toán kinh tế - Môn cơ sở: Kinh tế học - Môn ngoại ngữ	
<u>Ngành:</u> Kế toán - Môn cơ bản: Toán kinh tế - Môn cơ sở: Kế toán tài chính - Môn ngoại ngữ	<u>Ngành:</u> Kinh tế chính trị - Môn cơ bản: Lịch sử các học thuyết kinh tế - Môn cơ sở: Kinh tế học - Môn ngoại ngữ

3.2. Đối tượng học bổ sung kiến thức

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ bằng hai, tại chức, mở rộng, chuyên tu, đào tạo từ xa ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức.

- Tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức.

4. Các ngành đào tạo bậc đại học đúng, phù hợp và gần với ngành dự thi

4.1. Ngành Kinh tế chính trị

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành gần
Kinh tế học, kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế.	- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế. - Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế.

4.2. Ngành Kinh tế học

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành gần
Kinh tế học, kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế.	Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.

4.3. Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành, chuyên ngành gần
Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế.	- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế. - Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế. - Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Khoa học sự sống, Toán và thống kê, Công nghệ kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh – Quốc phòng.

4.4. Ngành Kinh tế quốc tế

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành gần
Kinh tế học, kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế.	Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.

4.5. Ngành Tài chính - Ngân hàng

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành gần
Tài chính-Ngân hàng.	Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.

4.6. Kế toán

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành gần
Kế toán.	Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế.

4.7. Ngành Quản trị kinh doanh

Các ngành đúng, phù hợp	Các ngành gần
Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh thương mại.	- Tất cả các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế. - Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Khoa học sự sống, Toán và thống kê, Công nghệ kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh – Quốc phòng.

5. Các môn học bổ sung kiến thức (1 tín chỉ = 15 tiết)

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
Ngành Kinh tế chính trị			
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	02
2	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô, các nguyên lý kinh tế 1	02
3	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô, các nguyên lý kinh tế 2	02
4	Kinh tế học phát triển	Kinh tế học phát triển	02
Ngành Kinh tế học			
1	Kinh tế học phát triển	Kinh tế học phát triển	02
2	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô, các nguyên lý kinh tế 1	02
3	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô, các nguyên lý kinh tế 2	02
Chuyên ngành Kinh tế & Quản lý công			
Khối ngành Kinh tế			
1	Kinh tế công	Kinh tế công	02
2	Quản lý công	Quản lý công	02
3	Chính sách công	Chính sách công	02
Ngành: Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế, Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Khoa học sự sống, Toán và thống kê, Công nghệ kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh – Quốc phòng.			
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	02
2	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô, Các nguyên lý kinh tế 1	02
3	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô, Các nguyên lý kinh tế 2	02
4	Kinh tế học phát triển	Kinh tế học phát triển	02
5	Thống kê kinh tế	Xác suất thống kê	02
6	Kinh tế công	Kinh tế công	02
7	Quản lý công	Quản lý công	02

THÀNH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NHTH
V.G

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
8	Chính sách công	Chính sách công	02
Ngành Kinh tế quốc tế			
1	Tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế	02
2	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	02
3	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế đối ngoại	02
Ngành Tài chính – Ngân hàng			
1	Tiền tệ - Ngân hàng	Tiền tệ-ngân hàng Lý thuyết tiền tệ - ngân hàng	02
2	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng thương mại Nghiệp vụ ngân hàng Nghiệp vụ ngân hàng thương mại Tín dụng – ngân hàng	02
3	Quản trị tài chính	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	02
Ngành Kế toán			
Khối ngành Kinh tế, Kinh doanh – Quản lý			
1	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	03
2	Kế toán tài chính	Kế toán tài chính	03
3	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị	03
4	Phân tích và dự báo kinh doanh	Phân tích và dự báo kinh doanh	03
Ngành Quản trị kinh doanh			
Khối ngành kinh tế			
1	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	02
2	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành	02
3	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự, Quản trị nhân viên	02
4	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp	02
Ngành: Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Khoa học sự sống, Toán và thống kê, Công nghệ kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh – Quốc phòng.			
1	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô, Các nguyên lý kinh tế 1	02
2	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô, Các nguyên lý kinh tế 2	02
3	Quản trị học căn bản	Quản trị học căn bản, Nhập môn quản trị học	02
4	Marketing căn bản	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	02

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
5	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	02
6	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất, Quản trị vận hành	02
7	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị nhân sự, Quản trị nhân viên	02
8	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp	02
9	Thông kê kinh tế	Xác suất thống kê	02

Lưu ý:

Các trường hợp đã đạt điểm bổ sung kiến thức (đạt từ 5.0 điểm/môn trở lên) trong kỳ tuyển sinh sau đại học năm 2015, 2016, 2017 thì được bảo lưu điểm.

7. Lịch học bổ sung kiến thức

Stt	Môn	Ngày		Phòng	Ghi chú
1	Kinh tế công	04, 11 /11/2017	Chiều, tối thứ 7	B3.1	
2	Kinh tế học vi mô	05/11/2017 – 10/12/2017	Sáng Chủ nhật	B3.3	
3	Thông kê kinh tế	05/11/2017 – 10/12/2017	Chiều Chủ nhật	B3.3	
4	Quản lý công	18, 25 /11/2017	Chiều, tối thứ 7	B3.1	
5	Chính sách công	02, 09 /12/2017	Chiều, tối thứ 7	B3.1	
6	Kinh tế học phát triển	16, 23/12/2017	Chiều, tối thứ 7	B3.1	
7	Kinh tế học vĩ mô	17/12/2017 – 28/01/2018	Sáng Chủ nhật	B3.3	Nghi 31/12/2017
8	Tiền tệ - Ngân hàng	23/10/2017 – 03/11/2017	Tối 2, 4, 6	A1.2	
9	Ngân hàng – Thương mại	06/11/2017 – 17/11/2017	Tối 3, 5, 7	A1.2	
10	Quản trị tài chính	20/11/2017 – 01/12/2017	Tối 2, 4, 6	A1.2	
11	Nguyên lý kế toán	04/12/2017 – 15/12/2017	Tối 2, 4, 6	B1.3	
12	Kế toán tài chính	05/12/2017 – 16/12/2017	Tối 3, 5, 7	B1.3	
13	Kế toán quản trị	18/12/2017 – 29/12/2017	Tối 2, 4, 6	B1.3	

PHO
JAT
HNW

Stt	Môn	Ngày		Phòng	Ghi chú
14	Phân tích và dự báo kinh doanh	19/12/2017 – 30/12/2017	Tối 3, 5, 7	B1.3	
15	Quản trị chiến lược	04/12/2017 – 15/12/2017	Tối 2, 4, 6	B1.1	
16	Quản trị sản xuất	05/12/2017 – 16/12/2017	Tối 3, 5, 7	B1.1	
17	Quản trị nguồn nhân lực	18/12/2017 – 29/12/2017	Tối 2, 4, 6	B1.1	
18	Quản trị tài chính doanh nghiệp	19/12/2017 – 30/12/2017	Tối 3, 5, 7	B1.1	
19	Quản trị học căn bản	08/01/2018 – 19/01/2018	Tối 2, 4, 6	B1.1	
20	Marketing căn bản	09/01/2018 – 20/01/2018	Tối 3, 5, 7	B1.1	
21	Tài chính quốc tế	19/12/2017 – 30/12/2017	Tối 3, 5, 7	B1.2	
22	Kinh tế quốc tế	08/01/2018 – 19/01/2018	Tối 2, 4, 6	B1.2	
23	Kinh tế đối ngoại	09/01/2018 – 20/01/2018	Tối 3, 5, 7	B1.2	
24	Lịch sử các học thuyết kinh tế	05/3/2018 – 16/3/2018	Tối 2, 4, 6	A1.2	

Thời gian học:

Sáng từ 08g00 đến 11g30;

Chiều từ 13g30 đến 16g30;

Tối từ 18g00 đến 20g30

Địa điểm học: Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II, số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Thời gian làm việc của Văn phòng Trường Đại học Kinh tế - Luật:

15g00 đến 20g30 từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.


TRƯỜNG PHẠM SAU ĐẠI HỌC
PGS.TS Đỗ Phú Trần Tình